TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CH S** **TỈNH G L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 13/2020/QĐST- DS	***Ch S**, ngày 03 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 123/2019/TLST - DS ngày 23 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V N; Địa chỉ: 35 H V, quận H K, thành phố H N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ph Đ T, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Ng N D, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ch S thuộc Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam G L.

Địa chỉ: 802 H V, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L

Bị đơn: Ông Ng D D, sinh năm 1961; Địa chỉ: Làng O B, xã Ia K, huyện Ch S, tỉnh G L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên:

- Bà D Th Ng T, sinh năm 1961; trú tại: Làng O B, xã Ia K, huyện Ch S, tỉnh G L; Chỗ ở hiện nay: 10.05 Era B2 TheEraTown Ph M, quận 7, Thành phố H C M.
- Chị Ng Th Th Ph, sinh năm 1981; trú tại: Làng O B, xã Ia K, huyện Ch S, tỉnh G L.
- Anh Ng D Q, sinh năm 1984; trú tại: 10.05 Era B2 TheEraTown Ph M, quận 7, Thành phố H Ch M.
- Chị Ng Th Nh Th, sinh năm 1988; trú tại: 10.05 Era B2 TheEraTown Ph M, quận 7, Thành phố H Ch M.

- Chị Ng Th Th D, sinh năm 1990; trú tại: 206/19/28/32 H T Ph, thị trấn Nh B, huyện Nh B, Thành phố H Ch M.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D Th Ng T, chị Ng Th Th Ph, anh Ng D Q, chị Ng Th Nh Th, chị Ng Th Th D: Ông Ng D D, sinh năm 1961; Địa chỉ: Làng O B, xã Ia K, huyện Ch S, tỉnh G L.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông Ng D D công nhận ông và bà D Th Ng T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/5/2020 là 1.593.468.494đ (một tỷ năm trăm chín mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng), (trong đó: nợ gốc: 1.250.000.000 đồng, nợ lãi: 343.468.494 đồng).

2.2. Về phương thức thanh toán:

Ông Ng D D và bà D Th Ng T có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc là 1.593.468.494đ (một tỷ năm trăm chín mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng), (trong đó: nợ gốc: 1.250.000.000 đồng, nợ lãi: 343.468.494 đồng, lãi vay tính đến ngày 26/5/2020) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V N thông qua Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V N - N G L được chia làm ba lần, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 28/8/2020 ông D và bà T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Lần 2: Vào ngày 30/11/2020 ông D và bà T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Lần 3: Vào ngày 26/02/2021 ông D và bà T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền là 1.293.468.494đ (một tỷ hai trăm chín mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng), (trong đó: nợ gốc 950.000.000 đồng, nợ lãi: 343.468.494 đồng, lãi vay tính đến ngày 26/5/2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải hôm nay (ngày 26/5/2020) ông D và bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2017/9094135/HĐTD ngày 11/10/2017 và hợp đồng tín dụng số 02/2017/9094135/HĐTD ngày 03/11/2017, nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông D và bà T vi phạm thời gian trả nợ một trong các lần như đã cam kết thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V N thông qua Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V N - N G L có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản mà ông D và bà T đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/9094135/HĐBĐ ngày 01/12/2016; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9094135/SĐBS ngày 12/9/2017; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2017/9094135/SĐBS ngày 09/10/2017 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9094135/HĐBĐ ngày 09/10/2017 và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất thế chấp để thu hồi nợ.

2.3. Sau khi ông D và bà T thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V N thông qua Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V N - N G L thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông D và bà T, gồm:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 760798 được UBND huyện Ch S cấp ngày 15/3/2001 cho hộ ông Ng D D.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 067260 được UBND huyện Ch S cấp ngày 15/3/2001 cho hộ bà Dương Thị Ngọc T.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 512196 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G L cấp ngày 25/7/2017 cho ông Nguyễn Duy D và bà Dương Thị Ngọc T.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 930955 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G L cấp ngày 15/11/2016 cho ông Nguyễn Duy D và bà Dương Thị Ngọc T.

2.4. Về án phí: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm. Các bên đương sự nhất trí thỏa thuận ông Nguyễn Duy D và bà Dương Thị Ngọc T chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.902.027đ (hai mươi chín triệu chín trăm lẻ hai nghìn không trăm hai mươi bảy đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V N thông qua Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V N - N G L 27.430.109đ (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, một trăm lẻ chín đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002571 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ. Hai bên đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Duy D và bà Dương Thị Ngọc T phải chịu, nhưng nguyên đơn đã nộp tạm ứng để chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ. Do đó, ông Nguyễn Duy D và bà Dương Thị Ngọc T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V N thông qua Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V N – N G L số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án the o mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2 bản);
- VKSND huyện Ch S (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Ch S (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản);

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiếu